

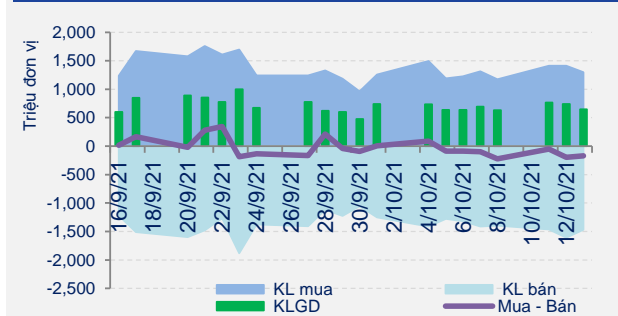
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/10/2021

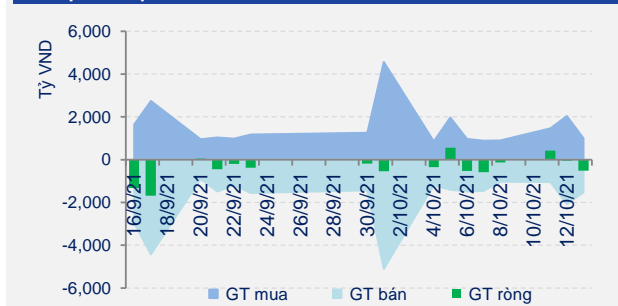
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,391.91	379.34
% Thay đổi	↓ -0.21%	↑ 0.97%
KLGD (CP)	645,680,873	115,274,976
GTGD (tỷ đồng)	18,822.31	2,603.57
Tổng cung (CP)	1,470,547,200	151,745,300
Tổng cầu (CP)	1,301,578,000	144,513,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	32,855,780	741,376
KL mua (CP)	22,696,480	929,410
GT mua (tỷ đồng)	1,006.22	30.95
GT bán (tỷ đồng)	1,525.53	21.47
GT ròng (tỷ đồng)	(519.32)	9.48

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.40%	24.8	4.0	2.7%
Công nghiệp	↑ 0.52%	19.9	3.1	11.4%
Dầu khí	↓ -1.89%	18.1	2.0	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.57%	-	5.7	3.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.32%	17.9	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.56%	21.4	4.3	7.3%
Ngân hàng	↓ -0.22%	11.6	2.4	18.0%
Nguyên vật liệu	↑ 0.33%	14.0	3.0	19.4%
Tài chính	↑ 0.02%	18.1	3.4	31.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.80%	17.0	3.1	3.3%
VN - Index	↓ -0.21%	17.1	3.0	
HNX - Index	↑ 0.97%	22.0	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Sau bảy phiên tăng điểm liên tiếp thì thị trường đã điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, VN-Index giảm 2,89 điểm (-0,21%) xuống 1.391,91 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 206 mã tăng, 60 mã tham chiếu, 208 mã giảm. HNX-Index tăng 3,66 điểm (+0,97%) lên 379,34 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 125 mã tăng, 74 mã tham chiếu, 102 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 700 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 19.390 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn mà tiêu biểu là các cổ phiếu trong rổ VN30 (-0,27%) có một phiên giao dịch khá tiêu cực với 19/30 cổ phiếu kết phiên trong sắc đỏ, có thể kể đến như BVH (-3,1%), PLX (-2,2%), MSN (-1,6%), POW (-1,6%), STB (-1,3%), VRE (-1,3%), SAB (-1,2%), TCB (-1,1%), VHM (-1,1%), SSI (-1%)..., chỉ có 8/30 cổ phiếu kết phiên với sắc xanh trong nhóm này. Chỉ số VN-Index có thể giảm sâu hơn nếu không nhận được sự trợ giúp từ các cổ phiếu như BCM (+4%), SSB (+3,2%), MWG (+1,4%), DCM (+6,9%), PDR (+2,4%), VIC (+0,2%)... Nhóm ngân hàng có sự phân hoá mạnh với sắc đỏ thuộc về các cổ phiếu như TCB (-1,1%), SHB (-0,7%), MBB (-0,5%), STB (-1,3%), CTG (-0,3%), TPB (-0,7%)... và bên tăng là các cổ phiếu như VPB (+0,4%), SSB (+3,2%), LPB (+0,2%), HDB (+0,6%), VIB (+0,3%)... Nhóm chứng khoán có một phiên tiêu cực khi phần lớn các cổ phiếu đều giảm như SSI (-1%), VND (-1,2%), VCI (-0,8%), HCM (-1,6%), APS (-2,8%), VIX (-1,1%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ (-0,21%) trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh. Tuy nhiên, việc VN-Index gặp khó trước ngưỡng 1.400 điểm hai phiên liên tiếp cho thấy đây là ngưỡng kháng cự không dễ để vượt qua. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với hơn 500 tỷ đồng trên hai sàn cũng tạo ra áp lực điều chỉnh lên thị trường chung. Trên góc nhìn kỹ thuật, tuy giảm nhẹ nhưng VN-Index vẫn đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên cơ hội để tiếp tục đi lên ngưỡng tâm lý 1.400 điểm trong đợt này là vẫn còn nếu lực cầu tốt hơn quay trở lại. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 14/10, VN-Index có thể hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.400,67 điểm. Về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.389,61 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 2,89 điểm (-0,21%) xuống 1.391,91 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 900 đồng, MSN giảm 2.400 đồng, TCB giảm 600 đồng. Ở chiều ngược lại, BCM tăng 1.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 379,95 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,66 điểm (+0,97%) lên 379,34 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 700 đồng, L14 tăng 10.200 đồng, IDC tăng 1.600 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 520,48 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 8,8 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 149,3 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 69,8 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HAH là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 84,2 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 9,55 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 188 nghìn cổ phiếu. PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 15 tỷ đồng tương ứng với 327 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là BCC với 6,9 tỷ đồng tương ứng với 300 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 9,4 tỷ đồng tương ứng với 250 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Ngân hàng Thế giới hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam xuống 2%

Vừa qua, Ngân hàng Thế giới (WB) đã công bố báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam tháng 10/2021. Theo đó, tổ chức này ước tính tăng trưởng năm nay của Việt Nam đạt 2-2,5%, thấp hơn đáng kể so với dự báo 4,8% công bố hồi tháng 9.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trở lại sau tám phiên tăng điểm liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Sóng hồi b sau đó cũng đã kết thúc vào ngày 20/8 khi VN-Index (-3,3%) giảm mạnh và xuyên thủng hỗ trợ MA20 và MA50.

Và hiện tại là sóng điều chỉnh c với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.180 điểm (sóng c = sóng a = 200 điểm).

Tuy điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay nhưng VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm nên vẫn có thể kỳ vọng lực cầu quay trở lại sẽ giúp chỉ số này hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 14/10, VN-Index có thể hồi phục trở lại để hướng tới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,15 - 57,95 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 7 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 13/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.181 VND/USD, tăng 7 đồng so với hôm qua.

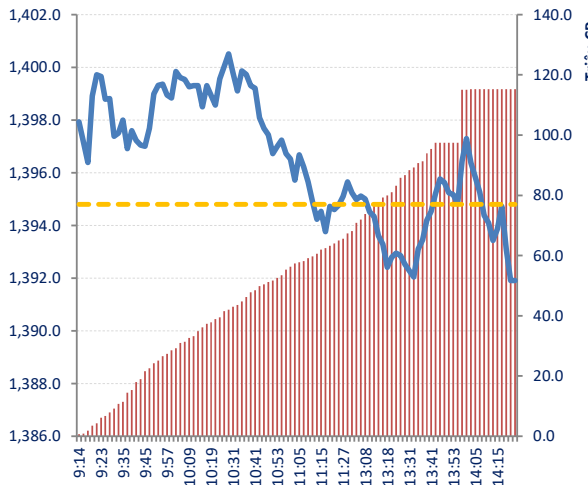
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 9,15 USD/ounce tương ứng với 0,53% lên 1.768,55 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,187 điểm tương ứng 0,2% xuống 94,332 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1552 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3634 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 113,57 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,09 USD/thùng tương ứng với 0,1% xuống 80,56 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 12/10, Dow Jones giảm 117,72 điểm tương đương 0,34% xuống 34.378,34 điểm. Nasdaq giảm 20,27 điểm tương đương 0,14% xuống 14.465,92 điểm. Nasdaq Composite giảm 10,54 điểm tương đương 0,24% xuống 4.350,65 điểm.

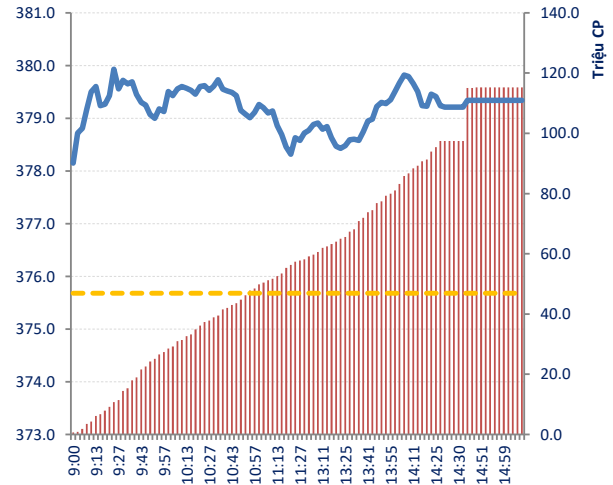


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

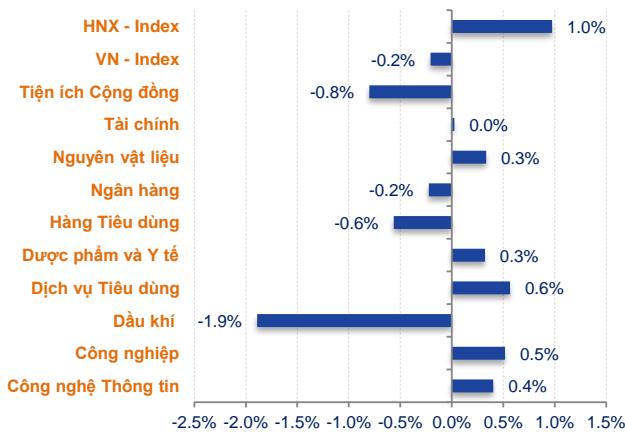
KLGD và VN-Index trong phiên



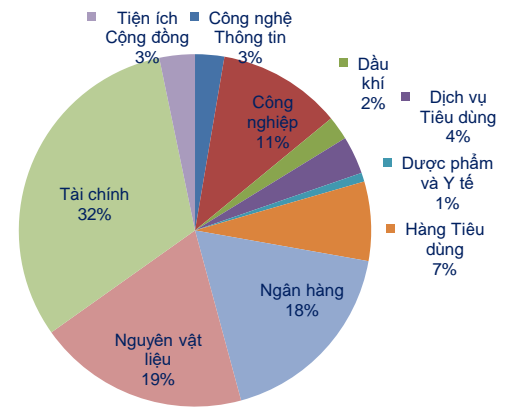
KLGD và HNX-Index trong phiên



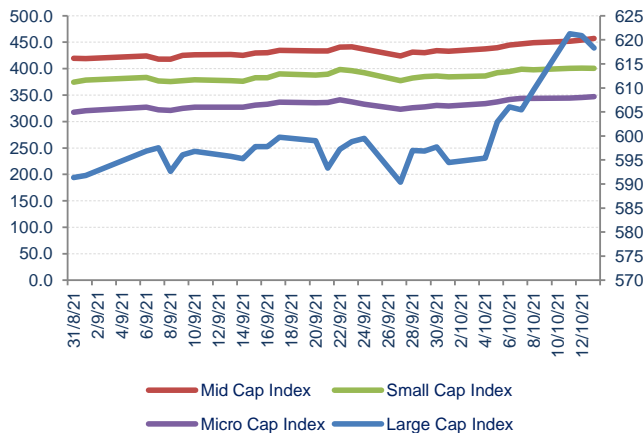
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



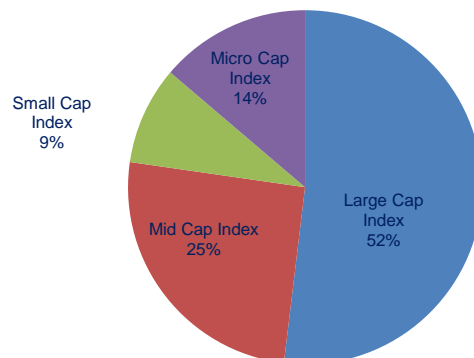
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	1,453,300	HPG	2,618,200
2	HAH	1,162,200	PAN	2,008,400
3	LPB	1,071,700	SSI	1,689,500
4	FUESSVFL	1,045,200	STB	1,379,200
5	MBB	877,800	CTG	1,224,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	326,900	SHS	250,000
2	BCC	300,000	PVS	92,732
3	NBC	32,600	TDN	54,500
4	HCC	22,600	VNR	53,100
5	VCS	17,600	KTS	39,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	30.20	30.00	↓	-0.66%	22,517,900
FLC	12.45	12.10	↓	-2.81%	20,912,000
LDG	7.53	8.05	↑	6.91%	18,091,600
SCR	12.70	13.25	↑	4.33%	17,391,300
DLG	5.94	5.75	↓	-3.20%	17,068,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
NVB	29.20	29.90	↑	2.40%	13,564,682
IDC	50.60	52.20	↑	3.16%	7,873,094
PVS	29.20	28.80	↓	-1.37%	5,669,711
LAS	18.50	19.80	↑	7.03%	4,927,319
TVC	17.00	17.60	↑	3.53%	4,344,881

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ITD	22.15	23.70	1.55	↑ 7.00%
HSL	8.01	8.57	0.56	↑ 6.99%
RIC	18.65	19.95	1.30	↑ 6.97%
CLW	29.40	31.45	2.05	↑ 6.97%
HAR	6.20	6.63	0.43	↑ 6.94%

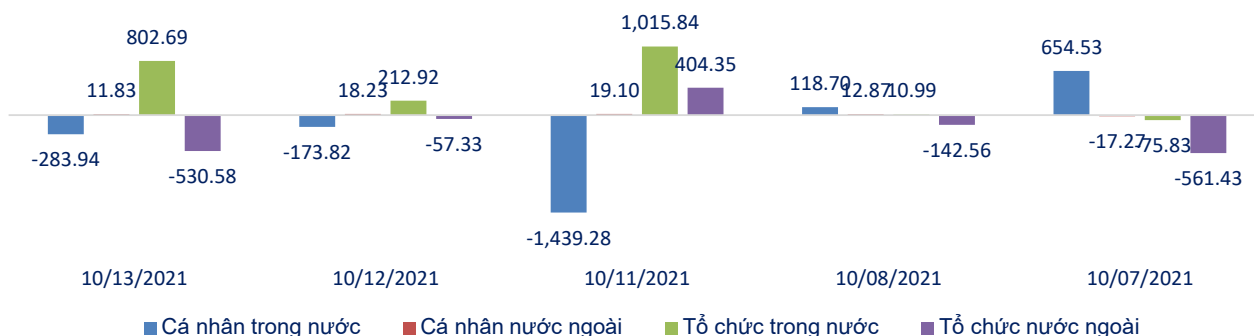
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVL	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
VNT	56.10	61.70	5.60	↑ 9.98%
TET	24.10	26.50	2.40	↑ 9.96%
KSF	68.30	75.10	6.80	↑ 9.96%
SGH	34.20	37.60	3.40	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAF	16.50	15.50	-1.00	↓ -6.06%
SSC	44.30	41.90	-2.40	↓ -5.42%
BMC	28.10	26.90	-1.20	↓ -4.27%
TCO	31.30	30.00	-1.30	↓ -4.15%
LCM	3.18	3.06	-0.12	↓ -3.77%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MIM	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
CLM	36.10	32.50	-3.60	↓ -9.97%
VE4	39.10	35.30	-3.80	↓ -9.72%
NRC	24.20	21.90	-2.30	↓ -9.50%
HGM	33.80	30.70	-3.10	↓ -9.17%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	64.07	13.7%	2,915	13.1	1.7
PAN	61.05	3.6%	1,049	28.3	1.0
SSI	57.56	16.5%	2,065	20.0	3.3
DCM	56.98	11.6%	1,431	20.3	2.3
GMD	48.33	6.5%	1,461	34.6	2.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-101.46	21.0%	4,613	11.5	2.2
MWG	-96.25	27.0%	6,357	20.8	5.2
HAH	-76.78	16.2%	4,345	16.2	2.3
SSB	-66.39	15.3%	1,623	23.4	3.3
MBB	-62.06	20.1%	2,772	10.4	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	6.97	18.5%	3,414	9.0	1.6
VHM	6.66	36.9%	7,777	10.4	3.5
VIC	2.53	4.5%	1,600	58.1	2.4
HNG	2.50	-1.3%	(102)	-	1.0
TNH	2.02	17.4%	2,710	15.0	2.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	-8.52	9.3%	1,952	8.8	0.9
ROS	-4.76	3.1%	326	17.4	0.5
GAS	-2.81	16.3%	4,178	26.8	4.5
KDH	-1.34	14.7%	1,984	22.0	3.2
APG	-1.17	13.2%	1,145	15.0	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	104.16	39.5%	5,614	10.2	3.4
TCB	101.46	21.0%	4,613	11.5	2.2
MWG	96.25	27.0%	6,357	20.8	5.2
SSB	66.39	15.3%	1,623	23.4	3.3
VHM	65.98	36.9%	7,777	10.4	3.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-71.34	11.6%	1,431	20.3	2.3
DPM	-45.34	13.7%	2,915	13.1	1.7
SAM	-30.70	2.5%	326	41.5	1.1
NBB	-26.55	22.7%	5,027	7.6	1.7
GMD	-26.19	6.5%	1,461	34.6	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	84.60	16.2%	4,345	16.2	2.3
VRE	44.53	9.2%	1,195	25.8	2.3
HDG	31.18	16.1%	4,293	14.6	2.4
MBB	26.18	20.1%	2,772	10.4	1.9
LPB	23.27	18.2%	2,221	9.8	1.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-149.70	39.5%	5,614	10.2	3.4
SSI	-69.89	16.5%	2,065	20.0	3.3
VNM	-66.74	31.9%	5,109	17.7	5.5
VHM	-65.79	36.9%	7,777	10.4	3.5
PAN	-60.26	3.6%	1,049	28.3	1.0



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	22,517,900	15.7%	2,045	14.8	2.2
FLC	20,912,000	3250.0%	2,364	5.3	0.9
LDG	18,091,600	0.4%	48	156.2	0.6
SCR	17,391,300	5.8%	770	16.5	0.9
DLG	17,068,100	-22.4%	(1,948)	-	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	13,564,682	1.9%	205	142.4	2.7
IDC	7,873,094	11.3%	1,684	30.1	3.2
PVS	5,669,711	4.4%	1,187	24.6	1.1
LAS	4,927,319	5.6%	630	29.3	1.6
TVC	4,344,881	24.2%	4,150	4.1	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ITD	↑ 7.0%	10.9%	1,893	11.7	1.2
HSL	↑ 7.0%	5.6%	801	10.0	0.5
RIC	↑ 7.0%	-9.3%	(1,030)	-	1.8
CLW	↑ 7.0%	12.9%	2,180	13.5	1.8
HAR	↑ 6.9%	0.1%	6	1,056.7	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	↑ 10.0%	1.1%	53	112.6	1.3
VNT	↑ 10.0%	-13.1%	(2,032)	-	3.8
TET	↑ 10.0%	10.2%	1,780	13.5	1.3
KSF	↑ 10.0%	8.8%	786	86.9	3.4
SGH	↑ 9.9%	1.4%	192	177.8	2.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	1,453,300	9.2%	1,195	25.8	2.3
HAH	1,162,200	16.2%	4,345	16.2	2.3
LPB	1,071,700	18.2%	2,221	9.8	1.7
UESSVF	1,045,200	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	877,800	20.1%	2,772	10.4	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	326,900	11.0%	3,581	12.8	1.4
BCC	300,000	8.9%	1,524	15.0	1.3
NBC	32,600	45.2%	5,610	4.8	2.2
HCC	22,600	2.3%	262	45.7	1.1
VCS	17,600	42.1%	10,726	12.1	4.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	359,761	20.6%	5,533	17.5	3.4
VIC	353,504	4.5%	1,600	58.1	2.4
VHM	352,268	36.9%	7,777	10.4	3.5
HPG	254,957	39.5%	5,614	10.2	3.4
GAS	214,362	16.3%	4,178	26.8	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,115	33.9%	6,555	34.9	14.0
VCS	20,768	42.1%	10,726	12.1	4.9
KSF	20,490	8.8%	786	86.9	3.4
BAB	16,870	7.8%	876	25.6	1.9
IDC	15,180	11.3%	1,684	30.1	3.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	3.04	22.7%	3,588	17.1	3.5
CTS	2.53	19.5%	2,677	10.6	1.9
AGR	2.42	10.2%	1,004	17.4	1.7
ABS	2.31	7.7%	896	22.3	1.8
IJC	2.29	25.8%	3,971	7.5	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	2.92	2.9%	300	42.6	1.2
APS	2.83	22.8%	1,949	12.9	2.4
BTS	2.45	1.1%	120	102.2	1.1
HBS	2.33	1.2%	140	82.6	1.0
WSS	2.33	8.7%	885	12.6	1.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
